TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Kim O

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tăng Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng
Ông Nguyễn Văn Quang.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HN&GĐ, ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Kim O, sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh (Nguyễn Minh T) và chị Phạm Kim O lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống hành phúc, cũng có những lúc phát sinh những mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2019, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói

chung, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không hòa hợp được. Đến cuối năm 2021, vợ chồng sống ly thân, anh đi làm xa nhà, chị O đi làm công ty gần nhà, sáng đi tối về nhưng không quan tâm đến gia đình, chồng con. Đến tháng 6/2023 thì anh về hẳn nhà nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Kim O. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nhiều lần.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị O có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh Q, sinh ngày 12/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/7/2019. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị O được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn anh Nguyên Minh T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Nguyên đơn anh Nguyên Minh T1 xác định vợ chồng không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyên Minh T1 xác định tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Phạm Kim O đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng chị O đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị Phạm Thị O1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thhôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do chị O1 không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Kim O là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị O kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận; nhưng một vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2021. Về con chung anh T và chị O có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh Q, sinh ngày 12/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/7/2019 hiên nay đang ở với bố và ông bà nội; chị O đi làm công ty nên thường xuyên vắng nhà. Về tài sản, vay nợ chung cụ thể của gia đình địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương mong muốn vợ chồng anh chị Tường Oanh đoàn tụ chung sống hạnh phúc nhưng nếu chị O và anh T vẫn kiên quyết ly hôn và không tự hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định. Về việc giao người trực tiếp nuôi dưỡng thì theo địa phương nên giao cả hai cháu cho anh T vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu đều được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo

dục. Chị O đi làm công ty thường xuyên vắng nhà, anh T là lao động tự do nhưng làm việc gần nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không chấp hành triệu tập của Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho nguyên đơn anh Nguyễn Minh T ly hôn với bị đơn chị Phạm Kim O; giao 02 (Hai) cháu Nguyễn Phạm Minh Q, sinh ngày 12/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/7/2019 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Phạm Kim O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí theo quy định, chị Phạm Kim O không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với chị Phạm Kim O, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của anh chị. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn chị Phạm Kim O đến Toà án để làm việc nhưng chị O không có mặt nên Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Kim O được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T và bị đơn chị Phạm Kim O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng

những năm gần đây vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đỉnh điểm đến cuối năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa làm việc, không tham gia các phiên họp, hòa giải do Tòa án tiến hành để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị O đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn anh Nguyễn Minh T và bị đơn chị Phạm Kim O ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Kim O có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh Q, sinh ngày 12/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/7/2019. Anh Nguyễn Minh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả 02 (hai) cháu Nguyễn Phạm Minh Q, Nguyễn Phạm Hải Đ. Ngoài việc xem xét nguyện vọng của nguyên đơn, thì Hội đồng xét xử còn căn cứ vào kết quả xác minh của địa phương; hơn nữa thực tế kể từ khi vợ chồng sống ly thân anh T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cả hai cháu Nguyễn Phạm Minh Q, sinh ngày 12/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/7/2019 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu hơn nữa kể từ khi vợ chồng sống ly thân anh T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không cần chị O cấp dưỡng nuôi con; nên HĐXX xét thấy chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về vay nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Minh T ly hôn với chị Phạm Kim O.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) cháu Nguyễn Phạm Minh Q, sinh ngày 12/6/2017 và cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/7/2019 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp, nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục. Chị Phạm Kim O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000000697686, ngày 05/10/2023 của Công ty cổ phần T2 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002951, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Minh T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phạm Kim O không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Vượng **Nguyễn Văn Quang** **Tăng Thị Hường**